

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2015

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

NỘI DUNG

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30/06/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	30/06/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426,575,432,132	420,940,915,090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	04	87,110,255,871	73,405,732,692
1. Tiền	111		80,160,255,871	71,905,732,692
2. Các khoản tương đương tiền	112		6,950,000,000	1,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	05	153,949,537,355	147,814,228,651
1. Đầu tư ngắn hạn	121		156,289,611,681	148,061,555,490
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,340,074,326)	(247,326,839)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182,395,635,846	189,473,119,821
1. Phải thu của khách hàng	131		332,222,247	1,040,737,246
2. Trả trước cho người bán	132		11,980,107,654	6,315,644,162
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135			
5. Các khoản phải thu khác	138	06	184,302,445,314	196,493,883,505
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	139		(14,219,139,369)	(14,377,145,092)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,120,003,060	10,247,833,926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		357,525,067	35,706,322
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		25,423,361	
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	07	2,737,054,632	10,212,127,604
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		21,883,733,396	23,510,862,682
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
I. Tài sản cố định	220	08	6,869,701,541	7,350,532,183
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1,702,241,480	1,995,032,393
- Nguyên giá	222		8,571,876,724	8,526,688,724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,869,635,244)	(6,531,656,331)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
2. Tài sản cố định vô hình	227	09	1,547,960,061	1,735,999,790
- Nguyên giá	228		3,968,357,488	3,938,357,488
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,420,397,427)	(2,202,357,698)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		3,619,500,000	3,619,500,000
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	5,309,910,467	5,309,910,467
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253			
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254			
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
4. Đầu tư dài hạn khác	258		5,309,910,467	5,309,910,467
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259			
III. Tài sản dài hạn khác	260		9,704,121,388	10,850,420,032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,083,384,493	312,861,430
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	8,233,913,263	7,960,752,490
4. Tài sản dài hạn khác	268		386,823,632	2,576,806,112
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		448,459,165,528	444,451,777,772

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo) Tại ngày 30/06/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	30/06/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90,338,846,869	90,048,351,244
I. Nợ ngắn hạn	310		90,338,846,869	90,048,351,244
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	-	8,000,000,000
2. Phải trả người bán	312		154,516,572	193,496,964
3. Người mua trả tiền trước	313		2,365,611,600	1,143,090,320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	493,068,944	475,150,553
5. Phải trả người lao động	315		278,696,525	1,401,562,830
6. Chi phí phải trả	316		4,120,000,000	3,700,000,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3,640,476,972	13,334,168,412
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	14	78,706,418,736	61,127,140,465
10. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		538,647,520	673,741,700
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		41,410,000	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329	15	-	-
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và Nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	358,120,318,659	354,403,426,528
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		390,000,000,000	390,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6,000,000,000	6,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ(*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,868,000,000	2,868,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(40,747,681,341)	(44,464,573,472)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
C. LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		448,459,165,528	444,451,777,772

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

Tại ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2015	01/01/2015
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		
3. Tài sản nhận ký cược	3		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		
5. Ngoại tệ các loại	5		
6. Chứng khoán lưu ký	6	1,395,763,890,000	1,372,001,730,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	7	1,361,840,920,000	1,332,093,710,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8	23,417,940,000	8,865,130,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9	1,338,040,990,000	1,322,805,700,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	381,990,000	422,880,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	11		
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	12	2,047,480,000	8,889,010,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	13	-	5,000,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	14	2,047,480,000	3,889,010,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	15		
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	16		
6.3 Chứng khoán cầm cố	17		
6.4 Chứng khoán tạm giữ	22		
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	27	23,464,100,000	29,867,260,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	28	500,200,000	220,000,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	29	22,953,900,000	29,567,260,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	30	10,000,000	80,000,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	31		
6.6 Chứng khoán phong toả chờ rút	32		
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	37	8,411,390,000	1,151,750,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	38	-	50,000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	39	8,411,390,000	1,151,700,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	40		
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	41		
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	42		
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	47		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	244,601,760,000	204,614,740,000
7.1. Chứng khoán giao dịch	51	244,601,760,000	204,614,740,000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	52	64,462,230,000	64,235,950,000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	53	180,139,530,000	140,378,790,000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	54		
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	55		
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	56		

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đỗ Lăng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Tại ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Quý này năm nay					
	Mã số	3	4	5	6	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước) (**)
I. Doanh thu	2					
Doanh thu hoạt động môi giới Chứng khoán	1	16,104,760,732	8,385,233,796	23,784,508,759	20,338,172,775	20,338,172,775
Doanh thu hoạt động đầu tư Chứng khoán góp vốn	1.1	2,905,489,939	3,544,742,036	5,561,454,114	8,492,724,198	8,492,724,198
Doanh thu bao lãnh phát hành Chứng khoán	1.2	5,404,851,247	430,693,190	5,600,469,347	3,309,968,414	3,309,968,414
Doanh thu đại lý phát hành Chứng khoán	1.3					
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.4	4,307,727,273	231,818,182	5,649,648,173	231,818,182	231,818,182
Doanh thu lưu ký Chứng khoán	1.5	216,174,799	216,704,453	418,397,355	415,254,375	415,254,375
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư giá	1.6					
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	1.7					
Doanh thu khác	1.8	3,270,517,474	3,961,275,935	6,554,539,770	7,888,407,606	7,888,407,606
2	2					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	10	16,104,760,732	8,385,233,796	23,784,508,759	20,338,172,775	20,338,172,775
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	11	9,936,579,910	4,592,090,978	14,541,741,688	8,512,862,555	8,512,862,555
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	6,168,180,822	3,793,142,818	9,242,767,071	11,825,310,220	11,825,310,220
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	25	3,559,606,900	1,074,141,568	5,540,807,753	2,677,782,367	2,677,782,367
6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp	30	2,608,573,922	2,719,001,250	3,701,959,318	9,147,527,853	9,147,527,853
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31	8,752,662	756,327,634	22,525,206	1,521,064,968	1,521,064,968
8. Thu nhập khác	32	7,482,480	20,023,688	7,592,393	20,035,454	20,035,454
9. Chi phí khác	40	1,270,182	736,303,946	14,932,813	1,501,029,514	1,501,029,514
10. Lợi nhuận khác	50	2,609,844,104	3,455,305,196	3,716,892,131	10,648,557,367	10,648,557,367
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (40+30)	51					
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	52					
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	60					
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50- 51 -52)	61					
14.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62					
14.1.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	70					
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1	1,264,907,667	278,079,161
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	2	(2,643,593,331)	(3,431,229,352)
3. Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	5	(273,160,773)	
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6	488,623,009,477	572,462,705,085
5. Tiền chi giao dịch chứng khoán khách hàng	7	(438,464,237,486)	(579,507,146,790)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8		
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9		
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	10	(40,327,441,366)	(3,241,289,148)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(3,919,087,948)	(2,797,443,100)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	(8,319,444)	(58,333,333)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
12. Tiền thu khác	14	243,060,210,228	103,542,038,362
13. Tiền chi khác	15	(213,374,556,766)	(77,775,211,240)
	20	33,937,730,258	9,472,169,645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	II		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TS dài hạn khác	21	(223,007,446)	(974,600,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các TSDH khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12,090,167,633)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24	60,000,000	500,000,000
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(6,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,968,000	1,705,320,266
	30	(12,233,207,079)	(4,769,279,734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	III		
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CPDN đã phát hành	32		20,000,000,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(20,000,000,000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8,000,000,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	40	(8,000,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	13,704,523,179	4,702,889,911
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	73,405,732,692	64,422,648,241
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	87,110,255,871	69,125,538,152

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machineo Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty: 390.000.000.000 VND (Ba trăm chín mươi tỷ đồng).

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machineo Building, số 444, đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 ngày 21/12/2006 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 37/GPHDKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với

Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machineco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí có một hình thành trong năm thì chỉ ghi nhận chi phí đó là chi phí của năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí trang thiết bị nội thất có giá trị lớn
- Chi phí in phiếu lệnh mua bán
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất k

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	62.868.675	31.861.240
Tiền gửi ngân hàng	54.330.903.800	30.631.089.383
<i>Trong đó: tiền gửi của nhà đầu tư</i>	53.897.748.326	20.136.823.393

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	25,766,483,396	41,242,782,069
<i>Trong đó: tiền của nhà đầu tư</i>	24,561,200,826	40,759,879,515
Các khoản tương đương tiền (i)	6,950,000,000	1,500,000,000
Cộng	<u>87,110,255,871</u>	<u>73,405,732,692</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÁU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CHI NH

5.1 Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo số kế toán		Số vốn giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu quý	Cuối quý	Đầu năm	Fàng	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm
I. Đầu tư ngắn hạn										
Chứng khoán thương mại										
- Cổ phiếu	8,838,037	7,810,108	142,282,315,317	117,848,793,747	517,328,483	2,114,824,429	2,114,824,429	247,326,839	154,466,865,838	149,929,053,080
Cổ phiếu niêm yết (1)	2,236,036	1,386,513	26,422,402,579	16,328,641,809	514,528,483	1,909,824,429	1,909,824,429	240,874,478	140,459,569,474	119,716,291,337
Cổ phiếu chưa niêm yết (2)	6,602,001	6,423,595	115,859,912,738	101,520,151,938	2,800,000	205,000,000	205,000,000	6,452,361	26,030,242,300	17,997,591,760
Đầu tư ngắn hạn khác (3)										
			14,007,296,364	30,212,761,743	-	-	-	-	14,007,296,364	30,212,761,743
II. Đầu tư góp vốn										
- Đầu tư dài hạn khác										
Đầu tư vào Trường Đại học Đông Nam Á (4)			5,309,910,467	5,309,910,467	-	-	-	-	5,309,910,467	5,309,910,467
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư CIC (5)			575,000,000	575,000,000	-	-	-	-	575,000,000	575,000,000
Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thương mại Vina (6)			2,609,610,800	2,609,610,800	-	-	-	-	2,609,610,800	2,609,610,800
			2,125,299,667	2,125,299,667	-	-	-	-	2,125,299,667	2,125,299,667

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machineco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

5.2 Dự phòng giảm giá đầu tư

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>1,689,996</i>	<i>17,943,058,226</i>	<i>925,701,826</i>
PHH	393,200	2,552,127,200	192,927,200
SD2	52,095	469,744,480	79,031,980
TDC	60,000	604,000,000	94,000,000
VIC	10,001	520,044,610	85,001,110
API	505,600	5,736,542,430	23,262,430
Khác	669,100	8,060,599,506	451,479,106
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>6,602,001</i>	<i>115,859,912,738</i>	<i>1,414,372,500</i>
Công ty CP đầu tư điện lực Hà Nội	1,588,610	15,886,100,000	-
CTCP đầu tư Anpha	676,200	20,286,000,000	-
Công ty CP Đầu tư Liên Minh	1,300,000	23,400,000,000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh	451,500	14,304,250,000	-
Công ty CP Kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng	1,174,700	14,671,100,000	-
Công ty CP Thép Đình Vũ	163,400	5,625,000,000	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	400,000	4,800,000,000	-
Cổ phiếu Thủy sản Minh Hải	50,422	1,902,937,958	-
Cổ phiếu Thủy sản Cà Mau	58,500	1,593,951,116	-
CTCP Đường Sắt Phía Nam	100,000	1,000,000,000	-
CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa	200,000	2,000,000,000	-
NDC	50,000	1,523,000,000	168,000,000
SFT	97,500	1,597,372,500	1,246,372,500
Công ty CP đầu tư BDS HN	142,800	5,200,000,000	-
Khác	148,369	2,070,201,164	-
Tổng cộng			<u>2,340,074,326</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHIAU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

Chi tiêu	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Cuối năm			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	1,040,737,246	287,729,746	2,768,540,656	(3,477,055,655)	332,222,247	264,722,246	264,722,246	264,722,246
2. Trả trước cho người bán	6,315,644,162	2,880,392,064	10,746,789,028	(5,082,325,536)	11,980,107,654	2,921,751,585	2,921,751,585	2,921,751,585
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu khác	196,493,883,505	11,032,340,170	843,036,023,122	(855,227,453,313)	184,302,453,314	11,032,665,538	11,032,665,538	11,032,665,538
<i>Phải thu các hợp đồng bán lẻ chứng khoán (t)</i>	<i>6,600,000,000</i>	-	-	-	<i>6,600,000,000</i>	-	-	-
<i>Phải thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán</i>	<i>141,524,502,721</i>	<i>5,994,253,692</i>	<i>787,361,093,640</i>	<i>(799,858,480,938)</i>	<i>129,027,115,423</i>	<i>5,994,253,692</i>	<i>5,994,253,692</i>	<i>5,994,253,692</i>
<i>Phải thu tăng trước tiền bán</i>	<i>12,499,831,080</i>	-	<i>25,099,001,975</i>	<i>(24,458,411,380)</i>	<i>13,140,421,675</i>	-	-	-
<i>Lãi dự thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán</i>	<i>12,668,418,840</i>	-	<i>25,187,202,982</i>	<i>(25,390,383,456)</i>	<i>12,435,238,366</i>	-	-	-
<i>Lãi dự thu từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>15,314,990,735</i>	-	-	-	<i>15,314,990,735</i>	-	-	-
<i>Các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>7,886,140,129</i>	<i>5,038,086,478</i>	<i>5,418,724,525</i>	<i>(6,520,177,539)</i>	<i>7,784,687,115</i>	<i>5,038,411,846</i>	<i>5,038,411,846</i>	<i>5,038,411,846</i>
5. Tam ứng	10,211,127,604	176,683,112	13,287,557,290	(20,762,630,262)	2,736,054,632	-	0	0
Tổng cộng	214,061,392,517	14,377,145,092	869,838,910,096	(884,549,464,766)	199,350,837,847	14,219,139,369	14,219,139,369	14,219,139,369

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	2,736,054,632	10,211,127,604
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1,000,000	1,000,000
Cộng	2,737,054,632	10,212,127,604

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	244,944,652	1,439,889,000	6,841,855,072	8,526,688,724
Tăng trong kỳ	-	-	45,188,000	45,188,000
Mua sắm mới	-	-	45,188,000	45,188,000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	244,944,652	1,439,889,000	6,887,043,072	8,571,876,724
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	161,367,615	572,882,233	5,797,406,483	6,531,656,331
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	22,215,733	71,656,008	244,107,172	337,978,913
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	183,583,348	644,538,241	6,041,513,655	6,869,635,244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	83,577,037	867,006,767	1,044,448,589	1,995,032,393
Tại ngày 30/06/2015	61,361,304	795,350,759	845,529,417	1,702,241,480

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Tài sản cố định vô hình khác	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
			Cộng
I. Nguyên giá			
1. Tại ngày 01/01/2015	165,950,288	3,772,407,200	3,938,357,488
2. Số tăng trong kỳ	-	30,000,000	30,000,000
Mua sắm mới	-	30,000,000	30,000,000
Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
4. Tại ngày 30/06/2015	165,950,288	3,802,407,200	3,968,357,488
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Tại ngày 01/01/2015	165,950,288	2,036,407,410	2,202,357,698
2. Số tăng trong kỳ	-	218,039,729	218,039,729
Trích khấu hao	-	218,039,729	218,039,729
Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
4. Tại ngày 30/06/2015	165,950,288	2,254,447,139	2,420,397,427
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày 01/01/2015	-	1,735,999,790	1,735,999,790
2. Tại ngày 30/06/2015	-	1,547,960,061	1,547,960,061

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machineco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư vào Trường ĐH Đông Nam Á	575,000,000	575,000,000
Hợp tác với Công ty CP PTM Viva Việt Nam	2,125,299,667	2,125,299,667
Hợp tác với Công ty CP Đầu tư CIC	2,609,610,800	2,609,610,800
Cộng	5,309,910,467	5,309,910,467

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	312,861,430	-
Tăng trong năm	987,166,572	372,214,065
Phân bổ vào chi phí trong năm	(216,643,509)	(59,352,635)
Số dư cuối năm	1,083,384,493	312,861,430
Cộng	1,083,384,493	312,861,430

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	494,938,176	494,938,176
Tiền nộp bổ sung	7,738,975,087	7,033,611,491
Tiền lãi phân bổ trong năm	-	432,202,823
Cộng	8,233,913,263	7,960,752,490

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	8,000,000,000
- Vay đối tượng khác	-	8,000,000,000
Cộng	-	8,000,000,000

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế GTGT	-	60,315,458
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế TNCN	493,068,944	414,835,095
Cộng	493,068,944	475,150,553

Thu thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân là số chưa được cơ quan thuế quyết toán.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí phải trả bà Lê Thị Thụy	3,820,000,000	2,900,000,000
Chi phí phải trả khác	300,000,000	800,000,000
Cộng	4,120,000,000	3,700,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

Ghi chú: Chi phí trả bà Lê Thị Thủy gồm 1.300.000.000 đồng phải trả bằng tiền và toàn bộ giá trị tạm tính chênh lệch CP APS 2.520.000.000 đồng đã được ghi nhận vào chi phí

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	169.520.486	157.128.376
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	77.949.098	73.309.181
Phải trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư	78.458.949.152	60.896.702.908
Cộng	78.706.418.736	61.127.140.465

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả về đặt cọc đấu giá	1.140.159.639	10.539.435.629
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.500.317.333	2.794.732.783
Cộng	3.640.476.972	13.334.168.412

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	390.000.000.000	-		390.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.868.000.000			2.868.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.000.000.000	-		6.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:				
<i>Lợi nhuận trong kỳ</i>	<i>(44.464.573.472)</i>	<i>4.575.056.739</i>	<i>858.164.608</i>	<i>(40.747.681.341)</i>
Tổng cộng	354.403.426.528	4.575.056.739	858.164.608	358.120.318.659

b) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.000.000	39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.000.000	39.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.000.000	39.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.000.000	39.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.000.000	39.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Quý 2 năm 2015 (VND)	Quý 2 năm 2014 (VND)
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.905.489.939	3.544.742.036
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.404.851.247	430.693.190

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà Machinco Building, Số 444 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

Doanh thu hoạt động tư vấn	4,307,727,273	231,818,182
Doanh thu lưu ký chứng khoán	216,174,799	216,704,453
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-
Thu cho thuê sử dụng tài sản		-
Doanh thu khác	3,270,517,474	3,961,275,935
Cộng	16,104,760,732	8,385,233,796

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 2 năm 2015 (VND)	Quý 2 năm 2014 (VND)
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1,416,261,259	1,805,760,465
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3,041,796,560	24,674,570
Chi phí hoạt động tư vấn	147,640,350	57,900,000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	239,321,321	224,788,173
Chi phí dự phòng	1,710,695,492	333,544,968
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản		-
Chi phí khác	2,070,247,056	406,329,222
Chi phí trực tiếp chung	1,310,617,872	1,739,093,580
Cộng	9,936,579,910	4,592,090,978

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2015 (VND)	Quý 2 năm 2014 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	2,705,136,198	1,444,866,586
Chi phí vật liệu quản lý, CC lao động	145,846,689	65,425,138
Chi phí khấu hao TSCĐ	228,879,687	170,007,204
Thuế, phí và lệ phí		-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	(158,005,723)	(1,027,560,904)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61,510,944	191,353,450
Chi phí khác bằng tiền	576,239,105	230,050,094
Cộng	3,559,606,900	1,074,141,568

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh từ mục 4 đến mục 18 là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu so sánh từ mục 19 đến mục 21 là số liệu trên Báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014.

Người lập



Lê Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh



Ngày 07 tháng 07 năm 2015

Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Đỗ Lăng